

Số: /2023/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Ban hành “Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp nhà nước và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) và Biên bản thanh lý hợp đồng.

Điều 2. Thông tư này áp dụng đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh.

Ngoài các nội dung quy định trong Mẫu hợp đồng này, các bên tham gia ký kết hợp đồng có thể thỏa thuận sửa đổi, bổ sung các điều khoản khác không trái với quy định của pháp luật. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước cấp cơ sở và nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước, các bên tham gia ký kết hợp đồng có thể tham khảo, vận dụng các nội dung quy định tại Mẫu hợp đồng ban hành kèm theo Thông tư này để soạn thảo hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của mình.

Điều 3. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023 và thay thế Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 04 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”.

Điều 4. Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Giám đốc Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp nhà nước, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Sở KH&CN các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Các đơn vị thuộc Bộ KH&CN;
- Lưu: VT, PC.

BỘ TRƯỞNG

Huỳnh Thành Đạt

**MẪU HỢP ĐỒNG
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BKHHCN ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN ¹.....

Số:

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày ngày 16 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 51/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyên giao công nghệ;

Căn cứ Thông tư số /2023/TT-BKHHCN ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”;

Căn cứ Thông tư số....(Ghi các Thông tư hướng dẫn quản lý Chương trình khoa học và công nghệ/nhiệm vụ khoa học và công nghệ tương ứng);

Căn cứ (Ghi các Quyết định phê duyệt, quản lý, giao, triển khai thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ này)

CHÚNG TÔI GỒM:

¹ Ghi hình thức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Hợp đồng thực hiện Đề án khoa học/Đề tài khoa học và công nghệ/Dự án khoa học và công nghệ/Dự án sản xuất thử nghiệm.

1. Bên đặt hàng (Bên A): (Ghi tên tổ chức có thẩm quyền ký kết Hợp đồng được quy định tại Khoản 2 Điều 27 Luật Khoa học và Công nghệ hoặc cơ quan, đơn vị được phân cấp ký hợp đồng theo quy định).....

- Do Ông/Bà.....
- Chức vụ:.....làm đại diện.
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại: Email:
- Số tài khoản:..... Mã QHSDNS:
- Tại:

2. Bên nhận đặt hàng (Bên B): (Ghi tên Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm).....

- Do Ông/Bà:
- Chức vụ: làm đại diện.
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại: Email:
- Số tài khoản:..... Mã QHSDNS:
- Tại:

Cùng thoả thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng thực hiện...² (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Đối tượng Hợp đồng

1. Bên A đặt hàng và Bên B nhận đặt hàng thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm "..."³ theo các nội dung trong Thuyết minh Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (sau đây gọi tắt là Thuyết minh).

2. Thuyết minh là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

3. Nội dung Thuyết minh có thể được điều chỉnh bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền trên cơ sở sự thống nhất của hai Bên.

Điều 2. Thời gian thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm

1. Thời gian thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm là..... tháng, từ tháng..... năm 20.....đến tháng..... năm 20.....

2. Thời gian thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm có thể được điều chỉnh bằng quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Kinh phí thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm

² Ghi hình thức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Hợp đồng thực hiện Đề án khoa học/Đề tài khoa học và công nghệ/Dự án khoa học và công nghệ/Dự án sản xuất thử nghiệm

³ Ghi tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

1. Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm được thực hiện theo hình thức⁴:
Khoản chi từng phần/Khoản chi đến sản phẩm cuối cùng.

2. Tổng kinh phí thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm là
.....(bằng chữ.....), trong đó:

- Kinh phí từ ngân sách nhà nước:.....(bằng chữ.....).

+ Kinh phí khoán:..... (bằng chữ.....).

+ Kinh phí không giao khoán:..... (bằng chữ.....)⁵

- Kinh phí từ nguồn khác:..... (bằng chữ.....)⁶.

Điều 4. Tiến độ cấp kinh phí và cơ chế tạm ứng kinh phí, cấp kinh phí

1. Tiến độ cấp kinh phí từ ngân sách nhà nước được ghi trong Thuyết minh phù hợp với quy định pháp luật.

2. Mức tạm ứng kinh phí lần đầu không vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm được duyệt từ ngân sách nhà nước và trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước của năm được cấp có thẩm quyền giao.

3. Điều kiện để cấp kinh phí các đợt tiếp theo chỉ thực hiện đối với Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm đã thanh toán tối thiểu bằng 50% số dư tạm ứng kinh phí của các đợt trước đó, trừ những trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

a) Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc triển khai, thực hiện Hợp đồng;

b) Bố trí cho Bên B số kinh phí từ ngân sách nhà nước quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Hợp đồng này theo tiến độ, kế hoạch tương ứng với các nội dung nghiên cứu được ký kết tại Hợp đồng;

c) Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu để mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm có nguồn kinh phí của Bên A;

d) Trừ lần cấp kinh phí đầu tiên, những lần cấp kinh phí tiếp theo trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm của Bên B, Bên A căn cứ vào sản phẩm, khối lượng, hồ sơ, chứng từ chi cho các công việc đã hoàn thành theo Thuyết minh, bao gồm cả nguồn khác, để xem xét cấp tiếp kinh phí thực hiện Hợp đồng. Bên A có quyền thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng

⁴ Lựa chọn và ghi hình thức khoản chi áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt.

⁵ Bỏ nội dung này đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo hình thức khoản chi đến sản phẩm cuối cùng

⁶ Bỏ nội dung này đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có kinh phí từ nguồn khác

cấp kinh phí nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, đúng nội dung công việc được giao;

đ) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu để đánh giá tình hình Bên B thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm theo Thuyết minh;

e) Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết các kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm;

g) Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm của Bên B theo các yêu cầu, chỉ tiêu ghi trong Thuyết minh;

h) Sở hữu, tổ chức việc giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm nếu không có thỏa thuận khác trong Hợp đồng theo quy định của pháp luật;

i) Có trách nhiệm cùng Bên B tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định của pháp luật;

k) Phối hợp cùng Bên B xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) theo quy định của pháp luật;

l) Tiếp nhận kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm, chuyển giao kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm cho cơ quan, tổ chức đề xuất đặt hàng hoặc tổ chức triển khai ứng dụng sau khi được nghiệm thu và được cấp có thẩm quyền cho phép;

m) Có trách nhiệm hướng dẫn việc trả thù lao cho tác giả nếu có lợi nhuận thu được từ việc ứng dụng kết quả của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm và thông báo cho tác giả việc bàn giao kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm (nếu có);

n) Quản lý việc thực hiện đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của Bên B đối với kết quả của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ (nếu có);

o) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

a) Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chỉ tiêu đã được ký kết tại Hợp đồng;

b) Ký hợp đồng giao việc, hợp đồng thuê khoán chuyên môn với Chủ nhiệm Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm;

- c) Cam kết thực hiện và bàn giao sản phẩm cuối cùng đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đã được phê duyệt;
- d) Được quyền tự chủ, tự quyết định việc sử dụng phần kinh phí được giao khoán để thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm theo quy định của pháp luật;
- đ) Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin cần thiết để triển khai thực hiện Hợp đồng;
- e) Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và thời hạn thực hiện Hợp đồng khi cần thiết;
- g) Yêu cầu Bên A cấp đủ kinh phí theo đúng tiến độ quy định trong Hợp đồng khi hoàn thành đầy đủ nội dung công việc theo tiến độ cam kết. Đảm bảo huy động đủ nguồn kinh phí khác theo cam kết. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ hiện hành và có hiệu quả;
- h) Xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) để gửi Bên A phê duyệt và thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật;
- i) Trên cơ sở phê duyệt của Bên A về kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Bên B tiến hành tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu trong mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ để thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm trên nguyên tắc đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về đấu thầu, đúng mục tiêu, chất lượng, chủng loại, hiệu quả của việc mua sắm tài sản phục vụ yêu cầu của nhiệm vụ;
- k) Tiếp nhận kinh phí được cấp cho Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm theo Hợp đồng đã ký kết; tự giám sát và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định chi tiêu, về tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ, chứng từ chi theo quy định hiện hành; chịu sự kiểm tra, kiểm soát tình hình sử dụng kinh phí thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm của các cơ quan có thẩm quyền và thanh toán kinh phí đã tạm ứng với Bên A theo quy định của pháp luật;
- l) Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm theo quy định của pháp luật;
- m) Thực hiện việc tự đánh giá hoặc nghiệm thu cấp cơ sở theo quy định hiện hành khi kết thúc Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm. Sau khi tự đánh giá hoặc nghiệm thu cấp cơ sở, hoàn chỉnh lại hồ sơ, Bên B có trách nhiệm chuyển cho Bên A các hồ sơ để Bên A tiến hành việc đánh giá, nghiệm thu theo quy định pháp luật;
- n) Thực hiện việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả của Đề tài/Đề án/ Dự án/ Dự án sản xuất thử nghiệm theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ (nếu có);

- o) Báo cáo tiến độ thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm theo quy định của pháp luật;
- p) Chịu trách nhiệm về chất lượng nội dung, công việc, sản phẩm hoàn thành theo Thuyết minh;
- q) Thực hiện công khai thông tin Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm theo đúng quy định của pháp luật;
- r) Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước và/hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu trong toàn bộ quá trình triển khai Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) theo quy định của pháp luật;
- s) Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định;
- t) Thực hiện đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm tại cơ quan thông tin khoa học và công nghệ quốc gia và tại các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật;
- u) Công bố kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm sau khi được Bên A cho phép;
- v) Chủ nhiệm Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm cùng với các cá nhân trực tiếp sáng tạo ra kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được đứng tên tác giả trong Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm và hưởng quyền tác giả bao gồm cả các lợi ích thu được (nếu có) từ việc khai thác thương mại các kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm theo quy định pháp luật và các thỏa thuận khác (nếu có);
- x) Thực hiện bảo mật các kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm theo quy định về bảo vệ bí mật của nhà nước;
- y) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Luật Khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan;
- z) Có trách nhiệm trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo yêu cầu của Bên A hoặc tổ chức, cá nhân được Bên A giao quyền sở hữu, sử dụng kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm;
- z1) Không được chuyển giao kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm cho Bên thứ ba nếu không có sự chấp thuận của Bên A.

Điều 6. Bất khả kháng

1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được dẫn đến không hoàn thành Hợp đồng mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, bao gồm: chiến tranh, dịch bệnh; các thảm họa thiên nhiên như lũ lụt, hạn hán; cấm vận; Nhà nước thay đổi cơ chế; thực hiện việc nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học,

kỹ thuật và công nghệ mới mặc dù đã tuân thủ đúng quy trình, quy phạm, áp dụng đầy đủ biện pháp phòng ngừa.

2. Việc một Bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải có nghĩa vụ tiến hành ngay các biện pháp ngăn ngừa hợp lý để hạn chế tối đa hậu quả. Khi phát sinh sự kiện bất khả kháng, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo ngay cho Bên kia về sự kiện bất khả kháng trong vòng 05 ngày làm việc.

3. Các sự kiện bất khả kháng được nêu tại Khoản 1 Điều này được xem xét là nguyên nhân khách quan dẫn đến việc không hoàn thành nhiệm vụ.

4. Các sự kiện khác mà các Bên cho rằng là sự kiện bất khả kháng thì áp dụng theo Điều này.

Điều 7. Phạt vi phạm hợp đồng

1. Bên vi phạm Hợp đồng phải chịu phạt vi phạm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu các bên có một/một số/ toàn bộ hành vi phạm quyền và nghĩa vụ của mình bao gồm các hành vi:

a) Kê khai sai số liệu, sai nội dung đối với hồ sơ, tài liệu phục vụ đánh giá nghiệm thu; báo cáo sai sự thật về tiến độ, nội dung, kết quả nghiên cứu;

b) Sờ hữu, sử dụng, ứng dụng, phổ biến, chuyển giao, chuyển nhượng, cung cấp thông tin kết quả hoạt động khoa học và công nghệ không đúng thẩm quyền;

c) Quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước sai mục đích hoặc trùng lặp với nguồn kinh phí khác;

d) Các vi phạm khác về hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ theo quy định của pháp luật.

3. Bên vi phạm có trách nhiệm nộp phạt một khoản phạt vi phạm cho Bên bị vi phạm. Giá trị khoản phạt vi phạm theo quy định của pháp luật hiện hành và được nộp vào ngân sách Nhà nước.

Điều 8. Sửa đổi, gia hạn và chấm dứt Hợp đồng

1. Sửa đổi và gia hạn Hợp đồng

a) Bên B được chủ động quyết định điều chỉnh gồm: điều chỉnh nội dung đối với Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm (đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán chỉ đến sản phẩm cuối cùng); thay đổi Chủ nhiệm nhiệm vụ; điều chỉnh kế hoạch mua sắm và dự toán về số lượng, khối lượng, chủng loại nguyên vật liệu mua bằng ngân sách nhà nước đối với phần kinh phí được giao khoán mà không làm tăng tổng dự toán kinh phí chi cho mục nguyên vật liệu đã được giao khoán; điều chỉnh, bổ sung cá nhân tham gia nghiên cứu; nội dung, thời điểm và thời gian tổ chức đoàn ra; điều chỉnh các nội dung và kế hoạch chi nhưng không được giảm tổng kinh phí ngoài ngân sách nhà nước đã được phê duyệt đối

với dự toán kinh phí ngoài ngân sách nhà nước. Các nội dung còn lại, Bên B phải báo cáo bằng văn bản và được Bên A xem xét, quyết định.

b) Trường hợp thay đổi mục tiêu, sản phẩm của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm thì hai bên thống nhất lập Phụ lục Hợp đồng ký kết giữa hai bên điều chỉnh để thực hiện.

c) Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ do Bên A xem xét quyết định và chỉ được xem xét trước khi kết thúc nhiệm vụ ít nhất 01 tháng đối với mỗi nhiệm vụ. Thời gian gia hạn không quá 12 tháng đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện trên 24 tháng và không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện không quá 24 tháng. Trường hợp không theo quy định trên do Bên A quyết định.

d) Việc rút ngắn thời gian thực hiện chỉ được xem xét khi đã hoàn thành được tối thiểu 50% nội dung của nhiệm vụ.

2. Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau

a) Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm đã kết thúc, được nghiệm thu và hoàn tất thủ tục theo quy định.

b) Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

c) Bên B bị đình chỉ thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

d) Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm quá thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm.

d) Bên B không thực hiện đầy đủ việc báo cáo định kì hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bên A trong thời hạn tối đa 12 tháng kể từ lần yêu cầu đầu tiên.

e) Bên B chủ động đề nghị dừng thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm.

g) Bên A vi phạm một trong các điều kiện dẫn đến việc Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm không thể tiếp tục thực hiện do:

- Không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm mà không có lý do chính đáng;

- Không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Nghiệm thu và thanh lý Hợp đồng

1. Hồ sơ đánh giá nghiệm thu Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm phải tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Các bên phải tuân thủ, thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đánh giá nghiệm thu và thanh lý Hợp đồng.

Điều 10. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng

1. Đối với Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm đã kết thúc và được nghiệm thu:

a) Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu từ mức “Đạt” trở lên thì Bên A thanh toán đầy đủ kinh phí cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này và theo quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm đã kết thúc, nhưng nghiệm thu mức “không đạt” thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã cấp nhưng chưa sử dụng. Trường hợp do nguyên nhân khách quan thì Bên B không phải hoàn trả kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng. Trường hợp do nguyên nhân chủ quan thì tổng mức Bên B phải hoàn trả tối thiểu 30% kinh phí ngân sách đã sử dụng đối với Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm được khoán chi từng phần/ phải hoàn trả tối thiểu 40% kinh phí ngân sách đã sử dụng đối với Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm được khoán chi đến sản phẩm cuối cùng⁷.

2. Đối với Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện:

a) Trường hợp Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện thì hai bên cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng nhằm thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm và thu hồi số kinh phí còn lại đã cấp cho Bên B.

b) Trường hợp hai bên thoả thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu của Hợp đồng mới, thì số kinh phí đã cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và được tiếp tục thực hiện với Hợp đồng mới.

3. Đối với trường hợp Hợp đồng bị chấm dứt theo quy định tại các khoản c, d, đ, e khoản 2 Điều 8 Hợp đồng này thì xử lý tài chính thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

4. Đối với Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm không hoàn thành do lỗi của Bên A dẫn đến việc chấm dứt Hợp đồng thì Bên B không phải bồi hoàn số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Xử lý tài sản khi chấm dứt Hợp đồng⁸

1. Hai bên thống nhất rà soát danh mục tài sản hình thành trong quá trình thực hiện của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm. Trong trường hợp cần

⁷ Các bên xác định mức bồi hoàn căn cứ theo quy định pháp luật hiện hành về mức xử lý trách nhiệm đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không hoàn thành.

⁸ Bỏ nội dung này đối với Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm không có tài sản nào được mua sắm bằng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước.

thiết hai bên lập hợp đồng bổ sung về phương án xử lý tài sản trên cơ sở các quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 “Quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước” và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý tài sản được mua sắm hoặc được hình thành bằng ngân sách nhà nước cấp cho Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm được thực hiện theo quy định pháp luật.

Điều 12. Giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng do các bên giải quyết trước hết theo nguyên tắc hoà giải, thương lượng trực tiếp giữa các bên. Trường hợp các bên không tự giải quyết được thì đưa tranh chấp ra Trọng tài để giải quyết hoặc khởi kiện tại Toà án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Điều 13. Điều khoản chung

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày làm việc trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý.

2. Khi một trong hai bên gặp phải trường hợp bất khả kháng dẫn đến việc không thể hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng thì có trách nhiệm thông báo cho Bên kia trong 10 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Bên vi phạm các cam kết trong Hợp đồng phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

Điều 14. Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày..... tháng năm Hợp đồng này gồm trang bao gồm cả Phụ lục, được lập thành bản bằng tiếng Việt và có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ bản, Bên B giữ bản./.

BÊN A

(Bên đặt hàng)

(Chữ ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)

BÊN B

(Bên nhận đặt hàng)

(Chữ ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 1: NỘI DUNG, CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH THEO NĂM*Kèm theo Hợp đồng số:***I. Năm 20...**

STT	Nội dung/ công việc hoàn thành	Yêu cầu chất lượng	Thời hạn hoàn thành
1			
2			
3			
4			
5			

II. Năm 20...

STT	Nội dung/ công việc hoàn thành	Yêu cầu chất lượng	Thời hạn hoàn thành
1			
2			
..			

III. Năm 20...

STT	Nội dung/ công việc hoàn thành	Yêu cầu chất lượng	Thời hạn hoàn thành
1			
2			
..			

Ghi chú: Nội dung, công việc hoàn thành là các nội dung, công việc phải đạt được trong bản “Tiến độ thực hiện” của Thuyết minh Đề tài/ Đề án/ Dự án/ Dự án sản xuất thử nghiệm làm căn cứ cho việc xác nhận khối lượng công việc đã thực hiện để quyết toán kinh phí hàng năm.

MẪU BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BKHCN ngày tháng năm 2023 của

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm 20...

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN⁹.....

Số:

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày ngày 16 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Thông tư số /2023/TT-BKHCN ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”;

Căn cứ Thông tư số....(Ghi các Thông tư hướng dẫn quản lý Chương trình khoa học và công nghệ/nhiệm vụ khoa học và công nghệ tương ứng);

Căn cứ(Ghi các văn bản đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ này)

Căn cứ Hợp đồng¹⁰số..... ngày

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Bên đặt hàng (Bên A) là: (Ghi tên tổ chức có thẩm quyền ký kết Hợp đồng KH&CN được quy định tại Khoản 2 Điều 27 Luật khoa học và công nghệ hoặc theo phân cấp, ủy quyền).

- Do Ông/Bà

- Chức vụ: làm đại diện.

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Email:

⁹ Ghi hình thức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Hợp đồng thực hiện Đề án khoa học/Đề tài khoa học và công nghệ/Dự án khoa học và công nghệ/Dự án sản xuất thử nghiệm.

¹⁰ Ghi tên Hợp đồng được thanh lý

2. Bên nhận đặt hàng (Bên B): (Ghi tên tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm):.....

- Do Ông/Bà:
- Chức vụ: làm đại diện.
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Email:
- Số tài khoản:.....Mã QHSDNS:
- Tại:

Cùng thỏa thuận và thống nhất bàn giao kết quả và thanh lý Hợp đồng¹¹...số.... ngày..... (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Xác nhận kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm

Đối với trường hợp Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm hoàn thành

1. Bên B đã hoàn thành việc thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm “.....”¹², theo các nội dung trong Thuyết minh Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm được Bên A phê duyệt và.... (ghi các văn bản điều chỉnh khác của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền - nếu có).

Thời gian thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm là ... tháng, từ tháng ... năm 20..... đến tháng ... năm 20.....

2. Bên A đã tổ chức đánh giá nghiệm thu kết quả Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm ngày tháng..... năm 20.... (Kèm theo Bản sao Biên bản đánh giá nghiệm thu và Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ghi nhận kết quả đánh giá nghiệm thu).

3. Bên B đã thực hiện việc đăng ký, giao nộp kết quả Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm tại Cơ quan thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia và tại các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ theo quy định. (Kèm theo Bản sao Biên nhận, xác nhận đã thực hiện đăng ký, giao nộp).

4. Bên B đã chuyển cho Bên A các tài liệu, báo cáo nêu trong Thuyết minh Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm và các Phụ lục kèm theo Hợp đồng số (Kèm theo Danh mục liệt kê).

5. Bên A giao cho bên B lưu trữ các kết quả khác của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm (như số liệu điều tra, khảo sát, mẫu sản phẩm,) (Kèm theo Danh mục liệt kê chi tiết)

¹¹ Ghi tên Hợp đồng được thanh lý

¹² Ghi tên của nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Đối với trường hợp Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm không hoàn thành:

1. Bên B đã tổ chức việc thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm “.....”, theo các nội dung trong Thuyết minh Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm được Bên A phê duyệt và.... (ghi các văn bản điều chỉnh khác của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền - nếu có).

Thời gian thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm là ... tháng, từ tháng ... năm 20..... đến tháng ... năm 20.....

2. Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm “.....” được xác nhận là không hoàn thành (Kèm theo Quyết định đình chỉ (hoặc dừng) thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm hoặc Biên bản đánh giá nghiệm thu Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm ở mức không đạt và Biên bản xác nhận khối lượng nội dung Bên B đã thực hiện).

3. Bên B đã chuyển cho Bên A các tài liệu và các kết quả khác của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm (như số liệu điều tra, khảo sát, mẫu sản phẩm,) phù hợp với khối lượng công việc đã được xác minh là hoàn thành - nếu có (Kèm theo Danh mục liệt kê chi tiết).

Điều 2. Xử lý tài chính của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm

Đối với Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm hoàn thành:

1. Kinh phí đã cấp từ ngân sách nhà nước để thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm là: triệu đồng;

2. Kinh phí Bên B đề nghị và đã được Bên A chấp nhận quyết toán là: triệu đồng.

Đối với trường hợp Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm không hoàn thành:

1. Kinh phí Bên A đã cấp từ ngân sách nhà nước để thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm là: triệu đồng;

2. Kinh phí bên B đã sử dụng đề nghị quyết toán là: triệu đồng;

3. Kinh phí được bên A chấp nhận quyết toán là: triệu đồng

(Kèm theo Biên bản xác nhận nội dung đã được thực hiện và chấp nhận quyết toán kinh phí của cấp có thẩm quyền);

4. Số kinh phí bên B phải hoàn trả ngân sách nhà nước là: triệu đồng (Ghi Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác định số kinh phí Bên B phải hoàn trả)

Đến nay Bên B đã hoàn trả xong số kinh phí nêu trên cho ngân sách nhà nước (Kèm theo tài liệu xác nhận)

Điều 3. Xử lý tài sản của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm (áp dụng cho Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm hoàn thành và không hoàn thành)

Ghi kết quả xử lý tài sản được mua sắm bằng kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm và kết quả xử lý tài sản được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm (Kèm theo Quyết định xử lý của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.)

Biên bản thanh lý Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký; được lập thành bản và có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ bản.

BÊN A

(Bên đặt hàng)

(Chữ ký, ghi rõ họ và tên và đóng
dấu)

BÊN B

(Bên nhận đặt hàng)

(Chữ ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu - nếu
có)